TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-4-2018
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Minh Suốt;

2. Ông Lê Minh Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Dương Thị H**, sinh năm 19.. (Có mặt).

Địa chỉ: Số ấp H, xã H, huyện M, tỉnh S.

- Bị đơn: Ông **Dương Văn Nững,** sinh năm 19.. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số ấp H, xã H, huyện M, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 01 tháng 3 năm 2018, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Dương Thị H trình bày:

Bà Dương Thị H và ông Dương Văn N kết hôn năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn, sau khi cưới bà H và ông N sống hạnh phúc được 24 năm đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ đó vợ chồng chung sống không có hạnh phúc dẫn đến bà và ông N đã ly thân từ năm 2015 đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà H và ông N có được 02 con chung tên Dương Văn K, sinh năm 1993 và Dương Thanh T, sinh năm 1998, hiện các con chung đã trưởng Thành.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông ông Dương Văn N: Tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ ông Dương Văn N thống nhất theo lời trình bày của bà H và ông cũng đồng ý ly hôn với bà H. Đồng thời ông có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Dương Văn N.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ chung sống của bà H và ông N là vợ chồng; về con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Dương Văn N đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông N có đơn xin xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Dương Văn N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc tranh chấp giữa bà Dương Thị H và ông Dương Văn N là loại kiện hôn nhân và gia đình, bà H và ông N cưới nhau năm 1991, không có đăng ký kết hôn, qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi vợ chồng bà H và ông N sinh sống để tìm hiểu về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng bà H và ông N, chính quyền địa phương cho biết sau khi cưới thì bà H và ông N sống hạnh phúc được một thời gian những năm gần đây thì bà H và ông N thường phát sinh mâu thuẫn dẫn đến bà H bỏ nhà đi. Xét thấy, hôn nhân giữa bà Dương Thị H và ông Dương Văn N là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà Dương Thị H không tìm thấy hạnh phúc trong hôn nhân của mình và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật hôn

nhân và gia đình thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà H và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị H và ông Dương Văn N.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét;

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[5] Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Dương Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị H và ông Dương Văn N.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét;

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét;

4. Về Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị H phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008927 ngày 09/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, bà H đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã Hòa Tú 2;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhiện